

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 128/2021/HS-ST
Ngày 24/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Việt Hưng
2. Ông Lương Minh Côn

Thư ký phiên tòa: Bà Vi Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại hội trường, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 126/2021/TLST-HS ngày 22/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Ngọc L.** Sinh ngày 01/6/1994.

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ: Không; Trình độ văn hoá: Lớp 9/12.

Bố: Trần Hữu Đ, sinh năm 1964; Mẹ: Nguyễn Thị T; Sinh năm: 1964.

Hiện trú tại xóm 5, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Vợ: Hoàng Thị S, sinh năm 1997. Con: 02. Lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2020.

Gia đình có 03 anh em. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

*. Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Xóm G, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

*. Người làm chứng:

Anh Trần Văn T1, sinh năm: 1986 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
Trú tại: Xóm 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 28/7/2021, Trần Ngọc L một mình điều khiển xe mô tô BKS 20F1- 338.45 từ nhà đến chợ Trung tâm huyện Đ mua đồ cho vợ và con của L. Khi đến chợ Trung tâm, L dừng xe tại quầy bán đồ sơ sinh và mua 01 bình sữa cho con. Sau khi mua được bình sữa, L tiếp tục điều khiển xe mô tô đi vào khu vực cổng chính của chợ trung tâm, L để xe mô tô ở cổng chợ rồi đi bộ vào phía bên trong chợ để tìm mua quần áo cho vợ. Đến khoảng 14 giờ 05 phút cùng ngày, L dừng lại ở quầy bán quần áo “Thương Anh” để mua quần áo (sau xác định là quầy quần áo của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995, trú tại xóm G, xã P, huyện Đ), khi vào quầy L quan sát thấy chị H đang nằm ngủ ở chiếu dưới đất, bên cạnh để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu Gold, vỏ ốp màu hồng nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để sử dụng. L tiến lại gần vị trí chiếc điện thoại, dùng tay phải lấy điện thoại cho vào túi quần bên phải L đang mặc, rồi đi ra khu vực bán hoa quả phía sau chợ, tháo vỏ ốp điện thoại vứt đi. Sau đó L điều khiển xe mô tô đến quán sửa chữa điện thoại của anh Trần Văn T1 (sinh năm 1986, trú tại xóm 6, xã Th, huyện Đ) nhờ anh T1 mở khóa và chạy lại phần mềm của điện thoại Iphone 6 Plus nhưng do anh T1 không mở được khóa màn hình nên L mang chiếc điện thoại trên về nhà, trên đường về đến cổng nhà anh Đào Hồng T2 (xóm 6, xã T, huyện Đ) L tháo sim điện thoại vứt đi. Khi về đến nhà, L cho chiếc điện thoại vào hai chiếc túi nilon buộc lại rồi cất giấu điện thoại tại đôi chè phía sau nhà L. Đến ngày 29/7/2021, khi cơ quan công an đến làm việc, L đã tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng và bộ quần áo mà L mặc ngày 28/7/2021 khi thực hiện hành vi trộm cắp.

Chị Nguyễn Thị H sau khi phát hiện bị mất tài sản đã làm đơn trình báo cơ quan công an đề nghị giải quyết. Quá trình điều tra truy xét, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã xác định Trần Ngọc L là người trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của chị H.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 06/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị của 01 ĐTDD màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu Gold, 64Gb, máy cũ đã qua sử dụng có giá là 2.200.000 đồng. 01 sim điện thoại không định giá.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Ngọc L đã khai nhận rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình như nêu trên. Lời khai L phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như biên bản sự việc, lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án, kết luận định giá tài sản.

Vật chứng của vụ án:

+ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu Gold 64Gb. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng. Chị H không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự đối với L.

+ 01 chiếc mũ lưỡi chai màu đen, phần lưỡi chai màu đỏ;

+ 01 áo chống nắng màu tím than.

+ 01 quần đùi màu đen, hai bên có 03 đường sọc màu trắng;

+ 01 đôi dép tông cao su màu vàng.

+ 01 khẩu trang y tế màu xám trắng.

Hiện đang được bảo quản, lưu giữ tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 122/ KSĐT ngày 21/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của BLHS xử phạt bị cáo mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Hình phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Về phần dân sự: Chị Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì đối với bị cáo L.

Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ lưỡi chai màu đen, phần lưỡi chai màu đỏ; 01 áo chống nắng màu tím than; 01 quần đùi màu đen, hai bên có 03 đường sọc màu trắng; 01 đôi dép tông cao su màu vàng; 01 khẩu trang y tế màu xám trắng.

Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ buộc tội:

- Bị cáo L khai: Khoảng 14 giờ 05 phút, ngày 28/7/2021, tại quầy bán quần áo “Thương Anh” ở chợ Trung tâm huyện Đ, thuộc thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Trần Ngọc L đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu Gold của chị Nguyễn Thị H. Hiện tại điện thoại di động đã thu hồi trả lại cho bị hại.

- Người bị hại khai: Tôi H sau khi phát hiện bị mất tài sản tôi đã làm đơn trình báo cơ quan công an đề nghị giải quyết. Quá trình điều tra truy xét, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã xác định Trần Ngọc L là người trộm cắp chiếc điện thoại Iphone 6 Plus của tôi. Nay tôi đã nhận lại tài sản là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iphone 6 Plus màu Gold. Tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự và còn về hình sự tôi xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng. Như vậy hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu Gold của chị Nguyễn Thị H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại Điều 173 của BLHS quy định:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. Xét tính chất hành vi:

Xét về tính chất hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là chị Nguyễn Thị H. Hành vi đó còn làm mất trật tự an ninh xã hội.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra người bị hại

có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên HĐXX coi đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ vào tình chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì cần xử bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng là như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không cần thiết áp dụng đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu iphone 6 Plus màu Gold. Nay chị H đã nhận lại và không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ lưỡi chai màu đen, phần lưỡi chai màu đỏ; 01 áo chống nắng màu tím than; 01 quần đùi màu đen, hai bên có 03 đường sọc màu trắng; 01 đôi dép tông cao su màu vàng; 01 khẩu trang y tế màu xám trắng.

Liên quan đến vụ án có anh Trần Văn T1 là người L nhờ mở khóa và cài lại phần mềm của chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus do L trộm cắp ngày 28/7/2021. Quá trình điều tra xác định anh T1 không biết đó là tài sản do L phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc L 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo L cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp bị cáo thực

hiện hành vi phạm tội mới thì tùy trường hợp Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 Bộ luật hình sự.

Về phạt bổ sung: Miễn phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo L.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ lưỡi chai màu đen, phần lưỡi chai màu đỏ; 01 áo chống nắng màu tím than; 01 quần đùi màu đen, hai bên có 03 đường sọc màu trắng; 01 đôi dép tông cao su màu vàng; 01 khẩu trang y tế màu xám trắng.

(Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại quyết định chuyển vật chứng số 111/QĐ-VKSĐT ngày 21/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ)

Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Công an huyện Đại Từ (3b);
- VKSND huyện Đại Từ (1b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (1b);
- Chi cục THADS Đại Từ (1b);
- Thi hành án hình sự (2b);
- Bị cáo, bị hại (1b);
- Thông báo UBND xã T;
- Lưu HS, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Kao Hoàng